

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN  
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 07/2023/NQ-HĐND

Trà Vinh, ngày 14 tháng 7 năm 2023

**NGHỊ QUYẾT**

**Sửa đổi, bổ sung Điều 5 Nghị quyết số 18/2021/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương năm 2022 và giai đoạn 2022 - 2025**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH  
KHÓA X - KỲ HỌP THỨ 9**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;*

*Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật ngân sách nhà nước;*

*Căn cứ Quyết định số 30/2021/QĐ-TTg ngày 10 tháng 10 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước năm 2022;*

*Căn cứ Thông tư số 56/2022/TT-BTC ngày 16 tháng 9 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung về cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập; xử lý tài sản, tài chính khi tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập;*

*Căn cứ Thông tư liên tịch số 71/2014/TTLT-BTC-BNV ngày 30 tháng 5 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng kinh phí quản lý hành chính đối với các cơ quan nhà nước;*

*Xét Tờ trình số 2284/TTr-UBND ngày 02 tháng 6 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh về việc sửa đổi, bổ sung Điều 5 Nghị quyết số 18/2021/NQ-HĐND ngày 09/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương năm 2022 và giai đoạn 2022 - 2025; báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.*

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1. Sửa đổi, bổ sung Điều 5 Nghị quyết số 18/2021/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương năm 2022 và giai đoạn 2022 - 2025, cụ thể như sau:**

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 4 Điều 5 như sau:

“4. Chi quản lý hành chính (Đảng, Nhà nước, đoàn thể):

a) Định mức phân bổ theo tiêu chí biên chế được cấp có thẩm quyền giao, cụ thể:

- Cấp tỉnh:

*Đơn vị tính: triệu đồng/biên chế/năm*

Nội dung	Định mức
- Dưới 20 biên chế	38
- Từ 20 đến dưới 40 biên chế	36
- Từ 40 biên chế trở lên	34

- Cấp huyện:

*Đơn vị tính: triệu đồng/biên chế/năm*

Nội dung	Định mức
- Dưới 5 biên chế	30
- Từ 5 đến dưới 10 biên chế	29
- Từ 10 biên chế trở lên	28

b) Định mức phân bổ thêm:

Nội dung	Phân bổ thêm theo định mức biên chế
- Khối Đảng; Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân; Văn phòng Ủy ban nhân dân: + Cấp tỉnh: + Cấp huyện:	20% 10%
- Các cơ quan chuyên môn thực hiện nhiệm vụ tổng hợp: + Cấp tỉnh: + Cấp huyện:	10% 5%

**\* Định mức phân bổ nêu trên đã bao gồm:**

Các khoản chi hành chính có tính chất thường xuyên phục vụ hoạt động của bộ máy các cơ quan, đơn vị như: Tiền thưởng, phúc lợi tập thể, thông tin liên lạc, dịch vụ công cộng, vật tư văn phòng, công tác phí, hội nghị, hội thảo, khánh tiết; kinh phí hoạt động lực lượng tự vệ của cơ quan, đơn vị; công tác Đảng, đoàn thể, cải cách thủ tục hành chính, ISO; chi đào tạo lại, chi công tác tập huấn, bồi

dưỡng, tuyên truyền phổ biến giáo dục pháp luật; chi đồng phục, bảo hộ lao động; chi công tác kiểm tra, kiểm soát hoạt động chuyên môn theo chức năng nhiệm vụ của ngành; duy trì, vận hành trang thông tin điện tử của cơ quan, đơn vị; mua sắm trang thiết bị, phương tiện làm việc phổ biến của cán bộ, công chức, viên chức, mua sắm máy móc, thiết bị phục vụ hoạt động chung của cơ quan, tổ chức, đơn vị theo quy định; kinh phí bảo dưỡng, bảo trì, sửa chữa thường xuyên tài sản phục vụ công tác chuyên môn.

**\* Định mức phân bổ nêu trên không bao gồm:**

- (1) Chi tiền lương và các khoản có tính chất tiền lương.
- (2) Kinh phí thực hiện hợp đồng công việc hỗ trợ, phục vụ theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP ngày 30/12/2022 của Chính phủ về hợp đồng đối với một số loại công việc trong cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập.
- (3) Một số chế độ chi tiêu phục vụ hoạt động Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh, các cơ quan tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy, Cấp ủy cấp huyện; Đảng ủy Khối các cơ quan và doanh nghiệp; một số chế độ, chính sách và điều kiện đảm bảo hoạt động của đại biểu HĐND các cấp; chi đón tiếp, thăm hỏi, chúc mừng, quà tặng chúc thọ người cao tuổi đối với một số đối tượng do Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, cơ quan Lao động - Thương binh và Xã hội cấp tỉnh, cấp huyện thực hiện.
- (4) Các khoản chi đặc thù phát sinh không thường xuyên khác được cơ quan có thẩm quyền quyết định.
- (5) Kinh phí đối ứng của các dự án; chi trang phục ngành theo quy định; chi thuê trụ sở; chi tổ chức Đại hội; chi hoạt động của các Ban Chỉ đạo, Ban điều phối, tổ công tác liên ngành theo quy định; chi cho công tác tuyên truyền phổ biến giáo dục pháp luật, chi cho công tác tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ quy mô toàn tỉnh, toàn huyện; chi đoàn ra, đoàn vào; các khoản chi phục vụ công tác xây dựng và hoàn thiện văn bản quy phạm pháp luật; chi mua sắm, sửa chữa lớn tài sản, máy móc, thiết bị theo đề án, kế hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt.
- (6) Hỗ trợ hoạt động công tác đảng cấp xã theo Quyết định số 99-QĐ/TW ngày 30/5/2012 của Ban Bí thư về quy định chế độ hoạt động công tác đảng của tổ chức cơ sở đảng, đảng bộ cấp trên trực tiếp cơ sở (tại mục số 8 Phụ lục I, II, III ban hành kèm theo Nghị quyết số 18/2021/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2021 của HĐND tỉnh).
- (7) Kinh phí duy trì, vận hành Cổng thông tin điện tử tỉnh Trà Vinh, Trang thông tin điện tử huyện, thị xã, thành phố; xã, phường, thị trấn.
- (8) Kinh phí duy trì, nâng cấp hệ thống phần mềm dùng chung trên địa bàn tỉnh.
- (9) Chi khen thưởng đột xuất và khen thưởng phong trào đối với cấp huyện, cấp xã.

...”

2. Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 5 Điều 5 như sau:

“b) Đối với đơn vị sự nghiệp công tự bảo đảm một phần chi thường xuyên (nhóm 3): ngân sách nhà nước đặt hàng, giao nhiệm vụ hoặc đấu thầu cung cấp dịch vụ sự nghiệp công theo quy định; được hỗ trợ chi thường xuyên sau khi đơn vị đã sử dụng nguồn thu sự nghiệp và nguồn thu phí được để lại chi để thực hiện nhiệm vụ, cung ứng dịch vụ sự nghiệp công thuộc danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước nhưng chưa bảo đảm chi thường xuyên. Hằng năm, thực hiện giảm tối thiểu 2,5% chi hỗ trợ trực tiếp từ ngân sách nhà nước.

Đối với Trung tâm y tế đa chức năng và đơn vị nhóm 3 trong lĩnh vực y tế - dân số: ngân sách nhà nước hỗ trợ kinh phí để thực hiện các nhiệm vụ về y tế dự phòng, nâng cao sức khỏe, dân số, an toàn thực phẩm, hoạt động của các trạm y tế xã, phường, thị trấn theo quy định tại Điều 27 Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập.”

3. Sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 5 Điều 5 như sau:

“c) Đối với đơn vị sự nghiệp công do ngân sách nhà nước bảo đảm chi thường xuyên (nhóm 4): Ngân sách nhà nước hỗ trợ chi thường xuyên căn cứ vào quỹ tiền lương của số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước được cấp có thẩm quyền giao và áp dụng định mức phân bổ chi quản lý hành chính bằng 90% định mức chi quản lý hành chính của đơn vị cùng quy mô biên chế theo quy định tại khoản 4 Điều 5 Nghị quyết này và các khoản thu của đơn vị.”

4. Sửa đổi khoản 6 Điều 5 như sau:

“6. Chi đối với tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp: Kinh phí hoạt động được thực hiện theo nguyên tắc tự đảm bảo.

a) Trường hợp cấp có thẩm quyền giao biên chế: Thực hiện giao kinh phí theo số biên chế được cấp có thẩm quyền giao trên cơ sở vận dụng nguyên tắc bố trí chi thường xuyên ngân sách nhà nước lĩnh vực quản lý hành chính. Trong đó, định mức phân bổ chi quản lý hành chính bằng 90% định mức chi quản lý hành chính của đơn vị cùng quy mô biên chế theo quy định tại khoản 4 Điều 5 Nghị quyết này.

b) Ngân sách nhà nước hỗ trợ cho nhiệm vụ được cấp có thẩm quyền giao.

c) Hỗ trợ chế độ thù lao hàng tháng đối với người đã nghỉ hưu giữ chức danh lãnh đạo chuyên trách tại tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp theo Quyết định của cấp có thẩm quyền.”

**Điều 2. Trách nhiệm tổ chức thực hiện**

Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện; Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

### **Điều 3. Điều khoản thi hành**

Nghị quyết có hiệu lực từ ngày 24 tháng 7 năm 2023.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Trà Vinh khóa X - kỳ họp thứ 9, thông qua ngày 14 tháng 7 năm 2023./. *KV*

**Nơi nhận:**

- UBND, Chính phủ;
- Các Bộ: Tài chính, Tư pháp;
- Ban Công tác đại biểu - UBND;
- Kiểm toán Nhà nước khu vực IX;
- TT.TU, UBND, UBNDTQVN tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy;
- Các Sở, ngành: Tài chính, Tư pháp, KBNN, Cục Thuế, Cục Thống kê tỉnh;
- TT.HĐND, UBND cấp huyện;
- Đài PT-TH, Báo Trà Vinh;
- Trung tâm Tin học - Công báo tỉnh;
- Website Chính phủ;
- Văn phòng: Đoàn ĐBQH và HĐND, UBND tỉnh;
- Lưu: VT, HĐND.

**CHỦ TỊCH**



**Kim Ngọc Thái**